

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020
VÀ DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020**

**PHẦN I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

Thực hiện theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của HĐND xã Quảng Thái Khóa VIII kỳ họp thứ chín về việc phân bổ dự toán Ngân sách xã năm 2019, UBND xã báo cáo tình hình thực hiện công tác thu chi Ngân sách 6 tháng đầu năm và tình hình ước thực hiện dự toán thu chi 6 tháng cuối năm 2020 như sau:

I. Về tình hình thực hiện thu chi Ngân sách nhà nước 6 Tháng đầu năm 2020: (Số liệu cụ thể đến ngày 14/6/2020)

1/. Về thu ngân sách :

- Kết dư ngân sách 2019 sang: 298.401.598 đồng
- a. Tổng thu Ngân sách 6 tháng đầu năm 2020: 4.392.602.472 đồng đạt 74.09 % so với dự toán .
- Các khoản thu hưởng theo tỷ lệ phân chia: 373.870.401 đồng đạt 18.86 % so với dự toán

Trong đó:

- + Thu ngoài quốc doanh : 65.030.549 đồng đạt 33.69% so với dự toán
- + Thu thuế TNCN 34.353.852 đồng đạt 36.55% so với dự toán
- + Thu tiền sử dụng đất: 83.300.000 đồng đạt 24.04% so với dự toán
- + Thu cố định tại xã: 123.105.000 đồng đạt 136.78 % so với dự toán
- Thu bổ sung ngân sách cấp trên : 2.009.450.000 đồng đạt 277.55 % so với dự toán
- Thu chuyển nguồn năm 2018 sang 417.782.071 đồng

b. Đánh giá công tác thu Ngân sách trên địa bàn:

Trong công tác thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 các khoản thu theo tỷ lệ phân chia chỉ đạt 18.86 % so với dự toán giao đầu năm, các khoản thu Ngoài quốc doanh, thu thuế TNCN đạt tỷ lệ thấp vì các khoản thu này thường tập trung thu vào quý 3 năm 2020, mặc khác do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID 19 tình hình kinh tế của huyện cũng như trên địa bàn xã gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng chung đến công tác thu Ngân sách.

Thu tiền sử dụng đất chưa đạt so với dự toán giao vì đầu năm chưa tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất, dự kiến UBND xã sẽ tổ chức đấu giá Quyền sử dụng đất vào ngày 3/7/2020.

Thu cố định tại xã đạt 136.78% đã đạt chỉ tiêu so với dự toán giao là do trong năm 2020 UBND xã đã tiến hành truy thu các khoản nợ như tiền thu bến xe, các lô chợ, thu tiền phạt ANQP.

Tóm lại trong công tác thu Ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2020 còn gặp nhiều khó khăn, hoạt động kinh doanh nhỏ lẻ, do ảnh hưởng dịch bệnh nên không phát sinh doanh thu, hoặc kinh doanh kém hiệu quả ảnh hưởng trực tiếp đến số thu ngân sách . Do vậy

trong công tác lập dự toán thu Ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 phải tăng cường công tác thu Ngân sách trên địa bàn, đặc biệt là thu Ngoài quốc doanh và thuế TNDN., truy thu các nguồn nợ thuế các năm trước.

2/ Về chi ngân sách:

a. Tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 là: 3.707.985.909 đồng đạt 62.54 % so với dự toán

1. Chi đầu tư xây dựng: 255.348.000 đồng đạt 17.25 % so với dự toán

2. Chi thường xuyên: 3.446.637.909 đồng đạt 80.51% so với dự toán

Trong đó:

- Chi cho công tác dân quân tự vệ trật tự an toàn xã hội . 32.987.000 đồng đạt 59.98 % so với dự toán
- Chi sự nghiệp đào tạo 13.559.000 đồng đạt 42.37 % so với dự toán
- Chi sự nghiệp Y tế, dân số, gia đình 6.510.000 đồng đạt 32.55 % so với dự toán
- Chi sự nghiệp VH TT 14.228.000.000 đồng đạt 47.43 % so với dự toán
- Chi sự nghiệp TD TT 5.760.000 đồng đạt 38.4 % so với dự toán
- Chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh 13.600.000 đồng đạt 85 % so với dự toán
- Chi đảm bảo xã hội 8.350.000 đồng đạt 27.83 % so với dự toán
- Chi sự nghiệp kinh tế 47.700.000 đồng đạt 90 % so với dự toán
- Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 3.303.943.909 đồng đạt 82.85 % so với dự toán
- + Dự bị phí: 6.000.000 đồng
- + Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu 1.331.780.566 đồng

*** CÂN ĐỐI:**

- Kết dư NS năm 2019 sang: 298.401.598 đồng
- Tổng thu : 4.392.602.472 đồng
- Tổng chi : 3.707.985.909 đồng
- Tồn Quỹ tại Kho bạc đến 30/6/2020 983.018.161 đồng

b. Đánh giá công tác Chi Ngân sách 6 tháng cuối năm 2020:

Về chi ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2020 đã đáp ứng những khoản chi trên địa bàn ,chi đúng chi đủ, các chế độ chính sách như chi lương, chi các khoản phụ cấp, chi các khoản kinh phí thường xuyên căn cứ vào dự toán đầu năm giao để cân đối đảm bảo hoạt động Ngân sách cả năm

PHẦN II

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

Dự toán thu chi Ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 dựa trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2020 và những mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của xã theo Nghị quyết đại hội Đảng nhiệm kỳ 2015-2020 và một số định hướng của huyện để lập dự toán thu -chi Ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2020 nhằm đảm bảo cho hoạt động bình thường của bộ máy cấp xã , các hoạt động sự nghiệp và an ninh quốc phòng ở địa bàn.

Dự toán thu-chi Ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 phải xây dựng tích cực ,vững chắc đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định hiện hành của luật Ngân sách Nhà nước ,tăng cường công tác khai thác nguồn thu,tăng cường công tác chống thất thu trên địa bàn.

Dự toán chi Ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 cần quan tâm cho các hoạt động sự nghiệp như sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp đảm bảo xã hội tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản và các khoản huy động đóng góp của nhân dân, thực hành chi tiêu tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng.

1/. Dự toán thu Ngân sách 6 tháng cuối năm 2020:

Tổng thu:	8.221.030.599 đồng
1. Các khoản thu hưởng theo tỷ lệ phân chia:	5.983.530.599 đồng
2. Thu bổ sung ngân sách cấp trên :	2.225.500.000 đồng
3. Thu để lại qua Ngân sách quản lý:	12.000.000đ (Quỹ đền ơn đáp nghĩa)
- Tổng chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 là:	9.068.793.760 đồng
1. Chi đầu tư xây dựng:	5.806.398.034 đồng
2. Chi thường xuyên:	2.753.812.091 đồng
Trong đó:	
- Chi cho công tác dân quân tự vệ trật tự an toàn xã hội	16.513.000 đồng
- Chi sự nghiệp văn xã	99.693.000 đồng
- Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể:	2.620.506.091 đồng
+ Dự bị phí:	122.000.000 đồng
+ Chi để lại ngân sách quản lý	12.000.000 đồng
3 Chi từ nguồn Kp kết dư chuyển nguồn năm 2019 sang:	374.583.635 đồng
* Cân đối :	
- Kết dư NS 6 tháng đầu năm:	983.018.161 đồng
- Tổng thu :	8.221.030.599 đồng
- Tổng chi :	9.068.793.760 đồng
- Kết dư Ngân sách	135.255.000 đồng (Dự kiến tăng thu nguồn thu cố định tại xã)

Để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn xã. UBND xã xin trình bày báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 và ước thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 đã nêu ở trên để HĐND xã quyết nghị để có căn cứ cho quá trình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội ổn định an ninh chính trị trên địa bàn xã đạt kết quả cao.

Nơi nhận:

- TV Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- CT-PCT.UBND
- Các cơ quan, ban ngành cấp;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Bảo

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Thực hiện 2019		Dự toán năm 2020 huyện giao		Dự toán năm 2020 HĐND xã giao		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020		Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2020		(%) UTH/ DT	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
B			1	2	1	2					5= 3/1	6= 4/2
Tổng thu ngân sách xã (A+B)	13.502.777,826	12.740.300,461	6.049.000,000	5.929.000,000	11.039.000,000	10.085.846,000	4.428.302,472	4.392.602,472	9.055.184,599	8.221.030,599	73.21	74.09
Thu cân đối ngân sách (1+...11)	13.502.777,826	12.740.300,461	6.009.000,000	5.889.000,000	10.999.000,000	10.045.846,000	4.428.302,472	4.392.602,472	9.043.184,599	8.209.030,599	73.69	74.59
Các khoản thu theo tỷ lệ phân chia	3.197.037,895	2.434.560,530	2.102.000,000	1.982.000,000	7.092.000,000	6.138.846,000	409.570,401	373.870,401	6.817.684,599	5.983.530,599	19.48	18.86
Thuế thu nhập doanh nghiệp + GTGT	238.348.676	238.348.676	193.000,000	193.000,000	193.000,000	193.000,000	65.030,549	65.030,549	127.969,451	127.969,451	33.69	33.69
Thuế TNCN	116.686,195	116.686,195	94.000,000	94.000,000	94.000,000	94.000,000	34.353,852	34.353,852	59.646,148	59.646,148	36.55	36.55
Tiền sử dụng đất	2.541.591,229	1.779.113,864	1.600.000,000	1.480.000,000	6.590.000,000	5.636.846,000	119.000,000	83.300,000	6.471.000,000	5.636.846,000	7.44	5.63
Thuế sử dụng đất PNN	418,988	418,988							0	0		
Phí trước bạ đất	15.698,807	15.698,807	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	4.000,000	4.000,000	4.000,000	4.000,000	50.00	50.00
Thu Hoa lợi công sản	40.025,000	40.025,000	75.000,000	75.000,000	75.000,000	75.000,000	30.000,000	30.000,000	45.000,000	45.000,000	40.00	40.00
Thu Phí , Lệ phí	48.168,000	48.168,000	42.000,000	42.000,000	42.000,000	42.000,000	34.081,000	34.081,000	7.919,000	7.919,000	81.15	81.15
Món bán hộ cá thể, HTX	22.430,000	22.430,000	22.000,000	22.000,000	22.000,000	22.000,000	22.500,000	22.500,000	0	0	102.27	102.27
Các khoản phí do xã trực tiếp thu	25.718,000	25.718,000	20.000,000	20.000,000	20.000,000	20.000,000	11.581,000	11.581,000	8.419,000	8.419,000	57.91	57.91
Thu khác Ngân sách	196.101,000	196.101,000	90.000,000	90.000,000	90.000,000	90.000,000	123.105,000	123.105,000	102.150,000	102.150,000	136.78	136.78
Thu bến xe							24.800,000	24.800,000	25.000,000	25.000,000		
Thu phân VQS, VPHC							39.875,000	39.875,000				
Thu DVDT chợ							8.680,000	8.680,000	9.000,000	9.000,000		
Thu KI Ớt							2.350,000	2.350,000				
Thu tiền thuê lô các gian hàng chợ							36.750,000	36.750,000	61.550,000	61.550,000		
Thu tiền điện chợ Niu							7.150,000	7.150,000	6.600,000	6.600,000		
Thu tiền lô chợ Tết							3.500,000	3.500,000				
Thu thuế nộp chậm nền cho thuê mặt đất mặt nước	8.445,500	5.911,850										
Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	9.742.930,000	9.742.930,000	3.907.000,000	3.907.000,000	3.907.000,000	3.907.000,000	3.600.950,000	3.600.950,000	2.225.500,000	2.225.500,000	92.17	92.17
Bổ sung cân đối cân đối thường xuyên	3.183.000,000	3.183.000,000	3.183.000,000	3.183.000,000	3.183.000,000	3.183.000,000	1.591.500,000	1.591.500,000	1.591.500,000	1.591.500,000	50.00	50.00
Bổ sung có mục tiêu	6.559.930,000	6.559.930,000	724.000,000	724.000,000	724.000,000	724.000,000	2.009.450,000	2.009.450,000	634.000,000	634.000,000	277.55	277.55
Bổ sung có mục tiêu cho xã			634.000,000	634.000,000	634.000,000	634.000,000	2.009.450,000	2.009.450,000	634.000,000	634.000,000	316.95	316.95
Trích 10% tiền kiểm chi TX			90.000,000	90.000,000	90.000,000	90.000,000						
Thu bổ sung mua máy trực tuyến							15.000,000	15.000,000				
Thu BS Kinh phí phòng dịch							20.000,000	20.000,000				
Mua máy lọc nước							74.300,000	74.300,000				
Bổ sung mục tiêu sửa chữa đài TT							25.000,000	25.000,000				
Bổ sung mục tiêu hỗ trợ trồng lúa nước							120.000,000	120.000,000				
Bổ sung MT phòng chống Covid							20.000,000	20.000,000				
Bổ sung mục tiêu ảnh hưởng phòng chống dịch							1.076.250,000	1.076.250,000				
BS KP mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyên môn							38.900,000	38.900,000				
BS KP sửa chữa nhà văn hóa thôn Trung Kiểu							50.000,000	50.000,000				
BS KP mục tiêu quốc gia năm 2020 (đợt 5)							20.000,000	20.000,000				
BS KP cải tạo các tuyến đường quy hoạch NTM							100.000,000	100.000,000				
BS KP hỗ trợ SX NN đợt 4							300.000,000	300.000,000				

-	Kinh phí để đầu tư, sửa chữa trường Trường MN Quảng Thái: Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh 35m3- mã CTMT: 00393							50,000,000	50,000,000				
-	Đường Kênh vịnh xã Quảng Thái (Mã CTMT 00022)							95,000,000	95,000,000				
-	KP phòng tránh dịch covid 19							5,000,000	5,000,000				
Y	Thu chuyển nguồn năm trước+ kết dư	562,809,931	562,809,931					417,782,071	417,782,071				
3	Các khoản thu để lại quản lý qua NS			40,000,000	40,000,000	40,000,000	40,000,000	0	0	12,000,000	12,000,000	0	0
	- Thu quỹ đền ơn đáp nghĩa												
	- Thu huy động nhân dân đóng góp			40,000,000	40,000,000	40,000,000	40,000,000			12,000,000	12,000,000	-	-

Bộ phận tài chính, kế toán xã


Hoàng Thị Kim Ngân

Ngày tháng 6 năm 2020
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Chủ tịch

Lê Ngọc Bảo



BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

ĐVT: Đồng

T	CÁC CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2020 Ngân sách xã được HĐND xã phê duyệt	Tiết kiệm chi 10%	Dự toán còn lại	Thực hiện 5 Tháng đầu năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Tiết kiệm chi 10% 8 tháng cuối năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2020	% UTH 6 Tháng / DT	Chi chú
	Tổng chi NSDP (A+B+C+D)	10,085,846,000	90,000,000	9,995,846,000	3,107,985,909	3,707,985,909	60,000,000	9,068,793,760	36.76	0
	Chi cân đối NSDP (I+II+III)	10,045,846,000	90,000,000	9,955,846,000	3,107,985,909	3,707,985,909	60,000,000	9,056,793,760	36.91	
	Chi đầu tư phát triển:	5,636,846,000		5,636,846,000	255,348,000	255,348,000		5,806,398,034	4.53	
	Chi thường xuyên:	4,281,000,000	90,000,000	4,191,000,000	2,846,637,909	3,446,637,909	60,000,000	2,753,812,091	80.51	0
	Chi quốc phòng, an ninh	55,000,000	5,500,000	49,500,000	20,987,000	32,987,000	3,600,000	16,513,000	59.98	
	Chi hoạt động thường xuyên của OPAN	55,000,000	5,500,000	49,500,000	20,987,000	32,987,000	3,600,000	16,513,000	59.98	
	Hoạt động Quốc phòng			38,700,000	15,037,000	25,037,000	2,800,000	13,663,000		
	Hoạt động an ninh			10,800,000	5,950,000	7,950,000	800,000	2,850,000		
	Chi sự nghiệp văn hóa	176,000,000	14,300,000	161,700,000	50,007,000	62,007,000	10,500,000	99,693,000	35.23	
	Chi sự nghiệp đào tạo	32,000,000	3,200,000	28,800,000	8,559,000	13,559,000	3,000,000	15,241,000	42.37	
	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	20,000,000	2,000,000	18,000,000	1,510,000	6,510,000	1,500,000	11,490,000	32.55	(Hỗ trợ kinh phí hoạt động sự nghiệp y tế, dân số, gia đình: 10.000.000đ, Chi các hoạt động y tế khác 8.000.000đ)
	- Chi sự nghiệp VH TT	30,000,000	3,000,000	27,000,000	14,228,000	14,228,000	2,000,000	12,772,000	47.43	(Chi kinh phí bảo dưỡng Camera 10 triệu, Kp đua ghe 10 triệu)
	- Chi thực hiện toàn dân đoàn kết XD ĐSVH & KDC	33,000,000		33,000,000	0			33,000,000	-	
	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	16,000,000	1,600,000	14,400,000	13,600,000	13,600,000	1,000,000	800,000	85.00	
	Chi sự nghiệp Thể dục - thể thao	15,000,000	1,500,000	13,500,000	5,760,000	5,760,000	1,000,000	7,740,000	38.40	
	Chi sự nghiệp đảm bảo XH	30,000,000	3,000,000	27,000,000	6,350,000	8,350,000	2,000,000	18,650,000	27.83	
	Chi sự nghiệp kinh tế	62,000,000	6,200,000	55,800,000	2,948,000	47,700,000	4,600,000	8,100,000	76.94	
	Chi sự nghiệp kinh tế thường xuyên	53,000,000	5,300,000	47,700,000	2,948,000	47,700,000	4,000,000	0	90.00	
	Chi hỗ trợ quản lý bảo vệ rừng	9,000,000	900,000	8,100,000			600,000	8,100,000	-	
	Chi quản lý hành chính	3,988,000,000	64,000,000	3,924,000,000	2,772,695,909	3,303,943,909	41,300,000	2,629,506,091	82.85	
1	Hoạt động thường xuyên	445,000,000	44,250,000	400,750,000	203,525,073	224,856,088	28,000,000	184,893,912	50.53	
	Hoạt động thường xuyên của HĐND xã			25,000,000		12,000,000	1,600,000	13,000,000		
	Hoạt động thường xuyên của UBND xã	0	0	375,750,000	203,525,073	212,856,088	26,400,000	171,893,912		
2	Hoạt động công vụ Đảng Đoàn thể	80,000,000	8,000,000	72,000,000	2,025,000	40,000,000	5,300,000	32,000,000	50.00	(Chi kinh phí trang phục cho đại biểu HĐND xã NK 2016-2021: 26.000.000đ)
3	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị thôn, xã	120,000,000	6,750,000	113,250,000	14,310,000	27,000,000	4,500,000	86,250,000	22.50	
	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã	67,500,000	6,750,000	60,750,000	14,310,000	27,000,000	4,500,000	33,750,000	40.00	
	Chi hoạt động của Mặt trận	13,500,000	1,350,000	12,150,000	500,000	5,000,000	900,000	7,150,000	37.04	
	Chi hoạt động của phụ nữ	13,500,000	1,350,000	12,150,000	4,820,000	6,000,000	900,000	6,150,000	44.44	
	Chi hoạt động của Hội ND	13,500,000	1,350,000	12,150,000	2,630,000	5,000,000	900,000	7,150,000	37.04	
	Chi hoạt động của Hội CCB	13,500,000	1,350,000	12,150,000	2,100,000	5,000,000	900,000	7,150,000	37.04	
	Chi hoạt động của Đoàn thanh niên	13,500,000	1,350,000	12,150,000	4,260,000	6,000,000	900,000	6,150,000	44.44	
	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị thôn	52,500,000		52,500,000				52,500,000	-	
4	Chi công tác hòa giải cơ sở	18,000,000	1,800,000	16,200,000	0		1,200,000	16,200,000	-	
5	Hoạt động của ban Thanh tra nhân dân	3,000,000	300,000	2,700,000	0		300,000	2,700,000	-	

4.6	Công tác quản lý đô thị	5,000,000	500,000	4,500,000	0		300,000	4,500,000	-
4.7	Hoạt động của ban Giám sát cộng đồng	3,000,000	300,000	2,700,000	0		200,000	2,700,000	-
4.8	Kinh phí Đại hội Đảng	60,000,000		60,000,000	0	60,000,000		-	100.00
4.8	Chi tiền lương và các khoản phụ cấp	3,233,000,000	0	3,233,000,000	2,541,635,836	2,937,087,821		2,296,362,179	90.85
-	Quỹ lương và các phụ cấp theo lương	3,011,000,000		3,011,000,000	1,269,594,506	1,523,513,407		1,487,486,593	50.60
-	Quỹ lương và các phụ cấp theo lương CB DQTV	222,000,000		222,000,000	68,161,540	81,793,848		140,206,152	36.84
-	PC 116								
-	Chi từ nguồn BSCMT				1,203,879,790	1,331,780,566		668,669,434	
4.9	Chi khác	21,000,000	2,100,000	18,900,000	11,200,000	15,000,000	1,500,000	3,900,000	71.43
III	Chi kinh phí chuyển nguồn từ năm 2019 sang								
IV	Chi chuyển nguồn sang năm 2020							374,583,635	
V	Dự phòng ngân sách	128,000,000		128,000,000	6,000,000	6,000,000		122,000,000	4.69
D	Các khoản chi được quản lý qua NSNN	40,000,000		40,000,000				12,000,000	-
	Chi từ nguồn thu huy động đóng góp tự nguyện quỹ đền ơn	40,000,000		40,000,000				12,000,000	

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Hoàng Thị Kim Ngân

Ngày tháng 6 năm 2020



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch

Lê Ngọc Bào